

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2018/HNGĐ – ST

Ngày: 30-8-2018

V/v "Ly hôn".

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Liêu

Ông Nguyễn Mạnh Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Ngày 30 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 142/2018/TLST- HNGĐ, ngày 16 tháng 4 năm 2018 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 142/2018/QĐXX - ST ngày 14 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Nguyễn Tuyết Đ; sinh năm 1978

Địa chỉ: thôn 3, xã B, huyện B1, tỉnh Bình Phước

- Bị đơn: anh Hồ Hữu H; sinh năm 1966

Địa chỉ tại: thôn 3, xã B, huyện B1, tỉnh Bình Phước.

Hiện đang chấp hành án tại trại giam Đ, thuộc Tổng cục H– Bộ Công an. Tại xã Đ, huyện Đ1, tỉnh Đắk Nông.

(Đương sự vắng mặt tại phiên tòa, có văn bản xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 15/3/2018 và trong quá trình thụ lý vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Tuyết Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị Đ và anh H tự nguyện tìm hiểu và chung sống vợ chồng với nhau vào năm 2008 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã B. huyện B, tỉnh

Bình Phước ngày 17/11/2008. Quá trình chung sống vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn trầm trọng. Anh H không lo làm ăn mà chỉ lo ăn chơi, cá độ đá banh, ngoài ra còn có quan hệ bất chính với người khác. Sau này anh H bị người khác tố cáo nên hiện nay anh H đang chấp hành án tại trại giam. Trong suốt thời gian anh H đi chấp hành án chị luôn lo lắng chu cấp cho anh, nhưng anh H không thương vợ con mà luôn đòi hỏi rất nhiều khoản tiền gửi lên trại. Chị không thể chịu đựng được, chị không thể tiếp tục chăm lo cho anh H được nữa. Mặt khác, hiện nay chị không còn tình cảm với anh H. Vì vậy chị Đ yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị và anh H có 01 người con chung là Hồ Nguyễn Hạ M, sinh ngày 09/02/2010; Nguyên vọng của chị Đ là sau khi ly hôn chị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu M. Không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình Tòa án thụ lý vụ án, nguyên đơn chị Đ cung cấp các tài liệu, chứng cứ gồm: Bản chính đăng ký kết hôn của UBND xã B; bản sao chứng minh nhân dân, bản sao hộ khẩu, 01 bản sao giấy khai sinh. Ngoài ra, chị Đ không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì.

Tại bản tự khai ngày 27/6/2018, bị đơn anh H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: anh và chị Đ tự nguyện chung sống có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bình Minh, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước. Năm 2013 anh đi chấp hành án tại trại giam Đắc P'Lao thì anh và chị Đ ít liên lạc, chị Đ cũng có gửi bưu phẩm thăm hỏi anh. Hiện nay chị Đ yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì anh đồng ý.

Về con chung: Anh và chị Đ có 01 người con chung là Hồ Nguyễn Hạ M, sinh ngày 09/02/2010; Chị Đ có nguyện vọng nuôi con sau khi ly hôn và không yêu cầu cấp dưỡng thì anh H đồng ý và không có ý kiến gì.

Về tài sản và nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh H không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì; không có yêu cầu phản tố và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Theo đơn khởi kiện của chị Nguyễn Tuyết Đ yêu cầu được ly hôn với anh Hồ Hữu H có nơi cư trú tại: Thôn 3, xã B, huyện B1, tỉnh Bình Phước trước khi anh H đi chấp hành án tại trại giam Đ. Hội đồng xét xử nhận thấy đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật

tổ tụng dân sự. Xác định vụ án hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

[2] Xét về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đ, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Tuyết Đ và anh Hồ Hữu H tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước vào ngày 17/11/2008, đối chiếu với Giấy chứng nhận kết hôn do chị Đ giao nộp hợp pháp tại Tòa án, căn cứ Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, có căn cứ để xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Tuyết Đ và anh Hồ Hữu H là hợp pháp.

Về mâu thuẫn vợ chồng: theo các biên bản lời khai có trong hồ sơ vụ án thì vợ chồng chị Đ anh H có mâu thuẫn như: vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau, anh H thường xuyên chơi đánh bạc, cá độ đá banh. Ngoài ra, về mâu thuẫn gia đình chị Đ và anh H thì có người làm chứng bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung biết, bà Nhung xác định anh H thường xuyên chơi bài bạc, cá độ đá banh, anh H không quan tâm chăm sóc gia đình, anh H còn có quan hệ tình cảm với người khác, vợ chồng chị Đ anh H thường xuyên xảy ra cãi vã, hiện nay chị Đ không còn tình cảm với anh H và yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh H, phía anh H cũng đồng ý ly hôn với chị Đ. Hội đồng xét xử xét thấy, chị Đ và anh H xảy ra nhiều mâu thuẫn, không còn sự thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau. Như vậy, chị Đ và anh H đã có sự vi phạm về nghĩa vụ của người vợ, người chồng đối với nhau; Đối chiếu với quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xét thấy hôn nhân giữa chị Đ và anh H lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, nay chị Đ yêu cầu ly hôn, ý kiến của bị đơn anh H đồng ý ly hôn. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của nguyên đơn chị Đ yêu cầu được ly hôn với anh H là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Đ và anh H có 01 người con chung là Hồ Nguyễn Hạ M, sinh ngày 09/02/2010. Chị Đ có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu My, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Anh H đồng ý giao cháu My cho chị Đ nuôi dưỡng. Mặt khác tại biên bản lời khai của cháu My thì cháu có nguyện vọng mong được chung sống với chị Đ. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị Đ là giao cháu Hồ Nguyễn Hạ M, sinh ngày 09/02/2010 cho chị Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét

[5] Về tài sản và nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Tuyết Đ phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56; Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 131 Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Tuyết Đ được ly hôn với anh Hồ Hữu H.

[2] Về con chung: Giao cháu Hồ Nguyễn Hạ M, sinh ngày 09/02/2010 cho chị Nguyễn Tuyết Đ có nghĩa vụ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

[3] Về cấp dưỡng: Đương sự không có yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

Quyền và nghĩa vụ của cha, mẹ và con chung được thực hiện theo các quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

[4] Về tài sản và nợ: Không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn chị Nguyễn Tuyết Đ phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp trước là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0021907 ngày 09/4/2018.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi Nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND h. Bù Đăng;
- CC THADS h. Bù Đăng;
- UBND xã (Thị Toảnrần);
- Đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Thu Hà